

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI XÂM HẠI TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Quy định về xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm hại tài nguyên rừng:

Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm hại tài nguyên rừng được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (từ Điều 189 đến Điều 191a) và Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 24-9-2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Các tội phạm cụ thể xâm hại tài nguyên rừng được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009

Một là, “Tội hủy hoại rừng” (Điều 189). Tội phạm này xâm phạm chế độ bảo vệ rừng của Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, đối tượng của tội phạm này chỉ là rừng tự nhiên bao gồm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Việc xâm phạm, hủy hoại rừng trồng không bị xử lý theo điều luật này mà xử lý về Tội hủy hoại tài sản (Điều 143). Quy định này dường như đã phần nào xem nhẹ vai trò, ý nghĩa môi trường của rừng sản xuất là rừng trồng. Các hành vi được xem là hủy hoại rừng gồm: hành vi đốt rừng trái phép; hành vi phá rừng trái phép; hành vi khác hủy hoại rừng như khai thác khoáng sản trái phép, san ủi đào bới hoặc xây dựng các công trình trái phép trong rừng. Tuy nhiên, điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi này là phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

Người phạm tội sẽ phải chịu một trong các hình phạt mà Nhà nước đã quy định, ở khung cơ bản có mức phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng và cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm. Khung nặng hơn có mức phạt tù từ 3 năm đến 10 năm đối với các trường hợp phạm tội có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan tổ chức; hủy hoại diện tích rừng rất lớn.

Hai là, Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 190). Đối tượng của tội phạm

này là động vật nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm từ các loài đó. Động vật nguy cấp, quý, hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ (hiện nay, là các loài “vật” được quy định trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30-3-2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và trong Công ước CITES). Như vậy, đối tượng bảo vệ của điều này chỉ là động vật nguy cấp, quý, hiếm, sản phẩm từ các loại động vật nguy cấp, quý, hiếm là mọi loại sản phẩm từ các loại động vật đó dưới dạng sừng hay đã qua sơ chế hay tinh chế như: xương, thịt, v.v..

Tội phạm này được thể hiện ở các hành vi: săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi nhốt, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ.

Người phạm tội sẽ phải chịu một trong các hình phạt mà Nhà nước đã quy định, ở khung cơ bản có mức phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm, khung nặng bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Ba là, Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191). Tội phạm này xâm phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với các loại rừng của rừng đặc dụng là vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, hoặc các khu thiên nhiên khác được Nhà nước bảo vệ đặc biệt. Hành vi vi phạm chế độ sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên như: chặt cây, săn bắt động vật hoang dã, chăn thả gia súc, làm nương rẫy trái phép, v.v.... Trường hợp săn bắt động vật hoang dã không phải là động vật nguy cấp, quý, hiếm thì có thể xử lý theo điều này, nếu săn bắt động vật nguy cấp, quý, hiếm thì xử lý theo Điều 190 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Khung hình phạt đối với tội này: Khung cơ bản ở khoản 1 có mức phạt tiền 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm; khung, nặng hơn ở khoản 2 và khoản 3 có mức phạt tù từ hai năm đến năm năm hoặc từ ba năm đến mười năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu

đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Bốn là, Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 191a). Hành vi của tội phạm này là cố ý nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại gây hậu quả nghiêm trọng. Khung hình phạt đối với tội này: khung cơ bản ở khoản 1 có mức phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm; khung nặng hơn ở khoản 2 bị phạt tù từ ba năm đến mười năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 có quy định khung hình phạt đối với các tội xâm phạm tài nguyên rừng khá nặng. Điều này chứng tỏ sự nghiêm khắc của Nhà nước đối với những tội phạm xâm hại tài nguyên rừng, đặc biệt trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, Bộ luật này có bổ sung Điều 191a về Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự của nước ta hiện nay chỉ quy định trách nhiệm hình sự cá nhân mà không quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân, điều này khiến việc xử lý hành vi vi phạm gặp nhiều bất cập bởi vì pháp nhân cũng có thể có ý chí phạm tội và có thể thực hiện các hành vi phạm tội.

Ví dụ: Một công ty được thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên để kinh doanh du lịch sinh thái. Hội đồng thành viên công ty ra nghị quyết về việc khai thác rừng trái phép, thậm chí khai thác tài nguyên trong lòng đất gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng và lợi nhuận thu được dùng để trích lập quỹ công ty. Nếu Tổng giám đốc chỉ là người làm thuê, hưởng lương thì việc truy cứu trách nhiệm hình sự Tổng giám đốc là chưa đủ vì khoản lợi bất chính không phải là của Tổng giám đốc và cũng không phải của các thành viên mà thực chất là của công ty. Vậy cần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công ty để thu lại khoản lợi bất hợp pháp và trừng trị công ty.

Bên cạnh đó, công tác xử lý vi phạm hình sự các tội xâm phạm tài nguyên rừng còn nhiều hạn chế. Việc đưa các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng ra xử lý hình sự là điều không đơn giản. Từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2012, số vụ

vi phạm pháp luật bảo vệ rừng được đề nghị truy tố xét xử chỉ chiếm 1% trong tổng số vụ vi phạm pháp luật bảo vệ rừng. Điều này dường như chưa phản ánh đúng tình trạng xâm phạm tài nguyên rừng như hiện nay. Trong khi đó, số vụ được xét xử chỉ chiếm 9% tổng số vụ án đề nghị truy tố. Điều đó có nghĩa là 91% số vụ đã đề nghị xử lý hình sự nhưng chưa truy tố được hoặc không thể truy tố, lại chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính. Số liệu trên đây phần nào phản ánh sự khó khăn trong việc định tội danh đối với các tội xâm phạm tài nguyên rừng. Những bất cập này do nhiều nguyên nhân nhưng dưới góc độ pháp luật thì các quy định pháp luật để định tính và định lượng hành vi phạm tội còn chưa rõ ràng.

2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng

Đối với các hành vi vi phạm hành chính về pháp luật quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, ngoài các quy định chung được thể hiện trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02-11-2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Hình thức xử phạt là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, mức phạt tiền 'thấp nhất đối với hành vi vi phạm pháp luật quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng là 100.000 đồng và cao nhất là 500.000.000 đồng. Ngoài ra, người vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả. So với mức xử phạt quy định trong Nghị định số 159/2007/NĐ-CP ngày 30-10-2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản tối đa là 30.000.000 đồng thì Nghị định số 99/2009/NĐ-CP đã quy định mức phạt lên gấp nhiều lần.

a) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm lâm:

- Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 200.000 đồng.

- Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.

- Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm; Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng vì phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

- Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm Cục Kiểm lâm có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 20.000.000 đồng; tước quyền sử dụng một số loại giấy phép theo quy định của pháp luật.

- Cục trưởng Cục Kiểm lâm có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

- Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 2.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng vì phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

- Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng; tước quyền sử dụng một số loại giấy phép; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

- Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000.000 đồng; tước quyền sử dụng một số loại giấy phép, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Việc xử phạt vi phạm hành chính các hành vi vi phạm quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản ở Việt Nam được áp dụng theo Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02- 11-2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Trong khi thực hiện, cơ quan và người có thẩm quyền rất khó áp dụng các quy định của Nghị định này trong một số trường hợp vì căn cứ xử phạt được xác định theo mét vuông đối với diện tích rừng, theo mét khối đối với gỗ hoặc theo kilogram, còn các loại lâm sản khác, trong đó có động vật hoang dã thì căn cứ xử phạt

được xác định giá trị bằng tiền Việt Nam. Đây là quy định không hợp lý, vì nhiều loài có giá trị rất lớn đối với bảo tồn nhưng lại có giá rất rẻ trong buôn bán hoặc căn cứ xử phạt dựa vào tổng trọng lượng của các loài bị thu giữ cũng là điểm không hợp lý. Ví dụ, theo Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02-11-2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, các loài lan hài đặc hữu của Việt Nam. Nếu quy theo giá tiền, hoặc trọng lượng khi vi phạm thì khó có thể áp dụng các hình thức và mức xử phạt phù hợp, vì đây là loài cây thân thảo nhỏ, có giá bán không cụ thể.

Nghị định số 99/2009/NĐ-CP ngày 02-11-2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản quy định rất cụ thể về các hành vi vi phạm và mức xử phạt đối với mỗi hành vi, mức tiền phạt thấp nhất là 100.000 đồng và cao nhất 500.000.000 đồng nhưng trong nhiều trường hợp quyết định xử phạt hành chính không có hiệu lực do đời sống người dân còn khó khăn, không thể áp dụng biện pháp cưỡng chế tài sản trong gia đình họ vì không có gì để cưỡng chế.

Xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

Năm 2011, Hạt Kiểm lâm huyện Đắk Glei tỉnh Đắk Lắk phát hiện và tiến hành xử phạt 90 vụ phá rừng làm nương rẫy trái phép, đã tiến hành xử phạt hành chính hơn 82.000.000 đồng, song người dân chỉ nộp phạt hơn 4.000.000 đồng (khoảng 5% số tiền cần phải nộp); thậm chí năm 2009, số tiền xử phạt hành chính về phá rừng làm nương rẫy trái phép là 1.183.017.600 đồng nhưng người dân không nộp đồng nào.

Ông Nguyễn Văn Hải, Hạt phó Hạt Kiểm lâm huyện Đắk Glei thừa nhận: “Những trường hợp vi phạm luật quản lý, bảo vệ rừng, Hạt Kiểm lâm đã lập biên bản giao cho chính quyền địa phương xử phạt theo quy định của pháp luật, đôn đốc thu tiền phạt nhưng người dân không có khả năng nộp phạt vì cuộc sống khó khăn”. Còn ông Huỳnh Dũng, Phó Hạt trưởng phụ trách Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi cho biết: “Quyết định xử phạt hành chính không có hiệu lực do đời sống người dân còn khó khăn, cưỡng chế tài sản trong gia đình thì không có gì để cưỡng chế. Sắp tới, Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi đang hoàn chỉnh hồ sơ

để tiến hành khởi tiis ba vụ án chặt phá rừng trái pháp luật nhằm rắn đe, giáo dục”.

Nguồn: Phan Cư (2011): Khó khăn trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, www.vov.vn

3. Quy định về tranh chấp và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng:

“Tranh chấp” hiểu theo nghĩa chung nhất là sự bất đồng chính kiến, sự mâu thuẫn hay xung đột về mặt lợi ích, về quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa các chủ thể tham gia các quan hệ xã hội. Như vậy, có thể hiểu, tranh chấp trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng là sự mâu thuẫn, xung đột về mặt lợi ích, về quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa các chủ thể tham gia việc quản lý và bảo vệ rừng.

“Giải quyết tranh chấp” là việc sử dụng các phương pháp, các cách thức nhằm giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng giữa các chủ thể. Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng là cách thức, phương pháp cũng như các hoạt động để khắc phục và loại trừ các tranh chấp đã phát sinh giữa các chủ thể quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể đó để hướng tới quản lý rừng bền vững, ổn định.

Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng phải đáp ứng được các yêu cầu như:

- Bảo đảm nguyên trạng diện tích rừng;
- Bảo đảm mối quan hệ hữu hảo và uy tín giữa các bên;
- Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đơn giản, thuận lợi, nhanh chóng và ít tốn kém cho các bên.

Pháp luật hiện hành quy định về giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng như sau:

- Các tranh chấp về quyền sử dụng rừng đối với các loại rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng do Tòa án nhân dân giải quyết. Các tranh chấp về quyền sử dụng đất có rừng, đất trồng rừng được áp dụng theo quy định của

pháp luật về đất đai (Khoản 1 Điều 84 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004).

- Khi giải quyết các tranh chấp quy định về quyền sử dụng rừng đối với các loại rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng có liên quan đến quyền sử dụng đất có rừng thì Tòa án nhân dân giải quyết cả quyền sử dụng đất có rừng (Khoản 2 Điều 84 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004).

Tuy nhiên, hiện nay, các tranh chấp về quyền sử dụng rừng, quyền sử dụng đất rừng trong thực tế giữa các chủ rừng rất phức tạp và khó giải quyết do nhiều nguyên nhân để lại của lịch sử. Đặc biệt, các tranh chấp giữa chủ rừng là các lâm trường quốc doanh (nay là các công ty lâm nghiệp) với các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương. Thậm chí, trên một diện tích rừng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền vừa giao cho lâm trường lại vừa giao cho hộ gia đình, cá nhân, cả hai chủ rừng này đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng, đất rừng trên cùng một diện tích rừng.

Tranh chấp đất trồng rừng

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có khoảng hơn 12.000 ha đất trồng rừng do các nông, lâm trường quản lý đang trong tình trạng tranh chấp, trùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với người dân, trong đó nhiều diện tích xảy ra khiếu kiện kéo dài, gây mất trật tự an ninh xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh của cả người dân và các nông, lâm trường.

Nguồn: Ngọc Long (2011): cần sớm giải quyết tình trạng tranh chấp đất trồng rừng ở Phú Thọ,

http://www.nhandan.com.vn/kinhte/thoi_su/item/18717502-.html

Từ những phân tích và thực trạng xử phạt vi phạm đối với hành vi xâm hại tài nguyên rừng và giải quyết tranh chấp đối với tài nguyên rừng trên đây, có thể thấy, các quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng và giải quyết tranh chấp liên quan đến tài nguyên rừng cần được tiếp tục nghiên cứu để phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Tóm lại, nội dung pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trước

tiên phải kể đến Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, sau đó là hàng loạt các luật liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Tuy nhiên, nội dung điều chỉnh còn chưa hoàn thiện và công tác tổ chức thực hiện pháp luật quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng còn nhiều bất cập. Qua việc phân tích những nội dung các quy định pháp luật quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, có thể rút ra một số kết luận sau:

Một là, hệ thống pháp luật quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng của Việt Nam khá đồ sộ và đầy đủ. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến quyền tài sản về rừng và đất rừng; quy định về bảo vệ và gây nuôi các loài thực vật, động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; những quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng còn chưa phù hợp; các quy định về ưu đãi phát triển rừng và việc áp dụng các chế tài xử phạt vi phạm, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng còn nhiều hạn chế.

Hai là, các quy định pháp luật cũng chưa xác định rõ được trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và trách nhiệm của các chủ rừng trong việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. Vì vậy, trong thực tế các cơ quan quản lý vẫn đổ trách nhiệm cho nhau khi có các sai phạm xảy ra về trách nhiệm của các chủ rừng cũng chỉ quy định một cách chung chung tại Điều 37 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 mà chưa có các quy định cụ thể cho các chủ rừng khác nhau đối với các loại rừng khác nhau nên tình trạng rừng bị cháy, bị chặt phá vẫn diễn ra thường xuyên.

Ba là, các quy định pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu của việc quản lý rừng bền vững vẫn chưa đáp ứng được và Bộ tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Việt Nam vẫn chưa được thông qua. Chính vì thế, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không chỉ khó khăn trong quản lý bền vững các diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ mà còn khó khăn cả trong việc quản lý bền vững rừng sản xuất.

Bốn là, mặc dù nước ta đã tham gia nhiều công ước quốc tế liên quan trực tiếp đến việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng và nhiều văn bản luật cũng đã thể hiện được các cam kết này. Tuy nhiên, việc thực hiện các cam kết quốc tế đó vẫn chưa đạt kết quả cao.